Phụ lục số 64

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ LONG CỐC

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường tỉnh 316D	Giáp địa giới hành chính xã Văn Miếu	Trường mầm non khu Dát Vảo	1.080	590	430	430	240	170	320	180	130
2		Trường mầm non khu Dát Vảo	Cầu tràn Bến Dự	2.400	1.320	960	960	530	380	720	400	290
3		UBND xã Long Cốc	Trạm kiểm lâm	1.560	860	650	650	360	260	520	290	210
4		Trạm kiểm lâm	Suối Cham	960	530	380	380	210	150	290	160	120
5		Trạm kiểm lâm	Hết nhà ông Lê Công Thành	1.800	990	720	720	400	290	540	300	220
6		Hết nhà ông Lê Công Thành	Giáp địa giới hành chính xã Khả Cửu	960	530	380	380	210	150	290	160	120
7		Đường rẽ trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu Học và Trung Học	Suối Cham	360	280	230	230	120	110	120	110	100
8	Đường tỉnh 316G	Nhà văn hoá khu măng 1	Giáp địa giới hành chính xã Văn Miếu	2.640	1.450	1.060	1.060	580	420	790	440	320
9	Đường liên xã	Nhà văn hoá khu măng 1	Ngã ba xí nghiệp chè Phú Long	3.360	1.850	1.340	1.340	740	540	1.010	550	400
10		Ngã tư Măng 2	Giáp địa giới hành chính xã Văn Miếu	1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
11		Ngã ba xí nghiệp chè Phú Long	Giáp địa giới hành chính xã Minh Đài	2.640	1.450	1.060	1.060	580	420	790	440	320
12		Tràn Bến Dự	Giáp địa giới hành chính xã Văn Miếu	600	330	240	240	150	130	180	120	100
13		Trường Mầm non Tam Thanh	Giáp địa giới hành chính xã Văn Miếu	720	400	290	290	160	120	220	150	110
14		Đường rẽ trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học	Giáp địa giới hành chính xã Xuân Đài	310	170	150	150	130	120	120	110	100
15		Đường rẽ trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu Học và Trung Học	Hết xưởng gỗ Lê Thanh Phương	360	200	170	170	150	140	140	120	100
16		Hết xưởng gỗ Lê Thanh Phương	Giáp địa giới hành chính xã Khả Cửu	280	150	140	140	130	120	120	110	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
17	Đường trục chính	Ngã tư Măng 2	Điểm trường tiểu học điểm lẻ	2.640	1.450	1.060	1.060	580	420	790	440	320
18		Ngã ba xí nghiệp chè Phú Long	Nhà văn hoá khu Đải	1.200	660	500	500	280	200	400	220	160
19		Nhà văn hoá khu Đải	Đường vào Nhà văn hóa khu Cạn	1.020	560	430	430	230	170	340	190	140
20		Cầu Bến Dự, khu Dát Vảo	Điểm trường tiểu học điểm lẻ	1.320	730	530	530	290	210	400	220	160
21		Nhà bà Nhung	Giáp địa giới hành chính xã Văn Miếu	540	300	230	230	200	190	190	150	110
22		Đường rẽ trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu Học và Trung Học	Nhà bà Thêm	310	170	150	150	140	130	120	110	100
23	Đường tránh lũ	Ngã ba nhà ông Điểm	Tràn chữ S	720	400	290	290	160	150	220	120	110
24	Các tuyến đường khác	Đất khu dân cư xóm Đải và khu dân cư xóm Nhội		1.080	590	430	430	240	170	320	180	130
25		Nhà Hậu	Nhà bà Trọng, khu Múc Thanh Phú	540	300	230	230	200	190	190	150	110
26		Nhà bà Giáp	Nhà ông Tính, khu Dát Vảo	540	300	230	230	200	190	190	150	110
27		Nhà bà Vịnh	UBND xã Vinh Tiền (cũ)	360	240	220	220	150	130	130	110	100
28		Hộ nhà bà Vịnh	Cầu tràn Mận Gạo	310	170	150	150	140	130	120	110	100
29	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			350			120			110		